



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VNN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 34

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VNN

Số 15, ngõ 175/5/167, đường Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Khắc Hùng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Ủy viên
Ông Nguyễn Gia Long	Ủy viên
Bà Chu Thị Minh Nguyệt	Ủy viên
Bà Trần Thị Hương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Khắc Hùng	Giám đốc
--------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Khắc Hùng

Giám đốc

Ngày 07 tháng 04 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 08.04/2016/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 07 tháng 04 năm 2016, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại thuyết minh số V.9 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang trình bày khoản đầu tư vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô là khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Tuy nhiên, chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các bằng chứng kiểm toán để đánh giá việc trình bày của khoản đầu tư này trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính trình bày của khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và giá trị khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn có thể phải trích lập cho khoản đầu tư này cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này tới các khoản mục khác đang được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)
Ngày 07 tháng 04 năm 2016

Tạ Thị Hải Ninh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1613-2015-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B01 - DN/HN
Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.342.770.737	11.779.390.848
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.989.132.952	1.999.150.607
1. Tiền	111	V.1	3.989.132.952	1.999.150.607
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		563.584.000	1.420.662.200
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	4.507.090.600	5.839.358.600
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2	(3.943.506.600)	(4.773.696.400)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	355.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.116.729.900	7.556.608.155
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	630.284.160
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	7.331.260.000	7.177.180.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	8.982.543.800	8.871.217.895
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(12.197.073.900)	(9.122.073.900)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		673.323.885	802.969.886
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	36.261.675
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		633.912.120	727.296.446
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	39.411.765	39.411.765
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.365.911.959	56.153.463.995
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.600.000.000	12.600.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.6	12.600.000.000	12.600.000.000
II. Tài sản cố định	220		150.559.130	3.141.222.496
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	150.559.130	3.141.222.496
- Nguyên giá	222		352.942.724	4.513.380.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(202.383.594)	(1.372.158.046)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	3.562.170.448	6.783.032.835
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1.500.000.000	1.500.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.062.170.448	5.283.032.835
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.000.000.000	32.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.9	32.000.000.000	32.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		53.182.381	1.629.208.664
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		53.182.381	90.208.664
2. Lợi thế thương mại	269	V.10	-	1.539.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		57.708.682.696	67.932.854.843

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B01 - DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.403.658.262	6.809.196.593
I. Nợ ngắn hạn	310		6.403.658.262	6.809.196.593
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		578.180.000	963.601.080
2. Người mua trả trước ngắn hạn	312	V.11	5.000.000.000	5.015.600.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	94.245.266	68.957.891
4. Phải trả người lao động	314		197.140.801	189.139.256
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		476.895.050	501.001.221
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		57.197.145	70.897.145
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.305.024.434	61.123.658.250
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	51.305.024.434	61.123.658.250
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.266.980.000	57.266.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		57.266.980.000	57.266.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.951.500.000	8.951.500.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		864.665.333	864.665.333
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(15.678.422.514)	(6.147.119.671)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(6.147.119.671)	(2.560.136.794)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(9.531.302.843)	(3.586.982.877)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(99.698.385)	187.632.588
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		57.708.682.696	67.932.854.843


Đinh Thị Thùy Minh
Người lập
Ngày 07 tháng 04 năm 2016


Đinh Thị Thùy Minh
Kế toán trưởng



Trần Khắc Hùng
Giám đốc

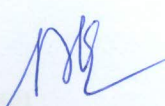


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B02 - DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	690.910.000	6.185.946.634
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		690.910.000	6.185.946.634
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	674.546.000	5.824.091.943
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.364.000	361.854.691
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	124.301.522	88.451.301
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(824.391.681)	(142.766.200)
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.352.466.122	4.162.653.002
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.387.408.919)	(3.569.580.810)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	4.431.224.897	-
13. Lợi nhuận khác	40		(4.431.224.897)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(9.818.633.816)	(3.569.580.810)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(9.818.633.816)	(3.569.580.810)
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		(287.330.973)	17.402.067
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		(9.531.302.843)	(3.586.982.877)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(1.664)	(626)


Đinh Thị Thùy Minh
Người lập
Ngày 07 tháng 04 năm 2016


Đinh Thị Thùy Minh
Kế toán trưởng

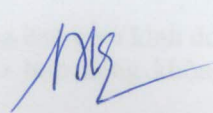

Trần Khắc Hùng
Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03 - DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(9.818.633.816)	(3.569.580.810)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.895.640.370	712.216.296
Các khoản dự phòng	03	2.244.810.200	1.349.233.800
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.470.065.048	(88.451.301)
Các khoản điều chỉnh khác	07	2.844.456.446	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(1.363.661.752)	(1.596.582.015)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	608.717.126	1.802.571.429
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	-	-
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(250.538.331)	158.344.499
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	73.287.958	99.802.170
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	1.454.166.000	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	376.405.941	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.798.119)	(567.675.671)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	892.578.823	(103.539.588)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác	21	(140.000.000)	-
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.150.000.000	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	100.000.000	3.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.403.522	88.451.301
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.112.403.522	3.088.451.301
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(2.600.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.000.000)	(2.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1.989.982.345	384.911.713
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.999.150.607	1.614.238.894
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	3.989.132.952	1.999.150.607


Đinh Thị Thùy Minh
Người lập
Ngày 07 tháng 04 năm 2016


Đinh Thị Thùy Minh
Kế toán trưởng


Trần Khắc Hùng
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 0102210969 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2007. Mã số doanh nghiệp trên thay cho mã số doanh nghiệp số 0103016723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 04 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 10 ngày 26 tháng 05 năm 2014, số vốn điều lệ của Công ty là 57.266.980.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 04 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 09 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng kinh doanh;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Đại lý môi giới, đấu giá;
- Dịch vụ viễn thông khác chưa được phân vào đâu;
- Quảng cáo;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình;
- Hoạt động nghệ thuật, sáng tác và giải trí;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, ...);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc cưới, hội họp, đám cưới...);
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất rượu vang;
- Xây dựng công trình công ích; và
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là hoạt động thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Ngày 15 tháng 06 năm 2015, Công ty nhận được Giấy triệu tập của Tòa án Nhân dân quận Hoàng Mai để tham gia tố tụng giải quyết vụ án kinh doanh thương mại với tư cách là bị đơn theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH Thăng Long. Công ty TNHH Thăng Long đã khởi kiện Công ty và đề nghị Tòa án Nhân dân quận Hoàng Mai tuyên bố Thỏa thuận nguyên tắc số 40/TTHTĐT ký ngày 18 tháng 10 năm 2007 giữa Công ty TNHH Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của Pháp luật và buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN phải thanh toán trả lại cho Công ty TNHH Thăng Long 5 tỷ đồng (số dư người mua trả trước ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất) và khoản tiền bồi thường thiệt hại là 3 tỷ đồng. Ngày 14 tháng 09 năm 2015, bản án sơ thẩm đã được Tòa án Nhân dân quận Hoàng Mai thông qua, theo đó, Tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thăng Long đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN về thỏa thuận nguyên tắc số 40/TTHTĐT ký ngày 18 tháng 10 năm 2007. Công ty TNHH Thăng Long phải chịu toàn bộ án phí cho vụ kiện này. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kết quả xét xử phúc thẩm hoặc cấp cao hơn cho vụ kiện.

Trong tháng 10 năm 2015, Công ty đã gửi đơn khởi kiện tới Tòa án Nhân dân quận Đống Đa, theo đó Công ty tiến hành khởi kiện Công ty Cổ phần Tài Nguyên liên quan đến tranh chấp Hợp đồng vay tiền số 06/2011/HĐVT ngày 06 tháng 04 năm 2011 và Hợp đồng vay tiền số 07/2011/HĐVT ngày 19 tháng 05 năm 2011. Công ty đề nghị Tòa án Nhân dân quận Đống Đa buộc Công ty Cổ phần Tài Nguyên hoàn trả lại khoản tiền 12.600.000.000 đồng tiền gốc vay và 453.600.000 đồng lãi tiền vay. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tòa án Nhân dân quận Đống Đa đang tiến hành cho hai bên tự hòa giải trước khi xét xử vụ án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị	Mối liên quan	Địa chỉ
Trụ sở chính		Số 15, ngõ 175/5/167, đường Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường	Công ty con	Km 11, đường Nguyễn Văn Linh, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 01 công ty con là Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường.

Chi tiết thông tin về Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường như sau:

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường
Địa chỉ	: Km 11, đường Nguyễn Văn Linh, Phường Thạch Bàn, Hà Nội
Hoạt động chính	: Là công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế, xây lắp.

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2015: 5.265.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	: 90%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	: 90%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay, chi phí phải trả và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	2.939.084.791	1.094.323.960
Tiền gửi ngân hàng	1.050.048.161	904.826.647
Cộng	3.989.132.952	1.999.150.607

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VNN

Số 15, ngõ 175/5/167, đường Định Công, phường Định Công
Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**2. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Chứng khoán kinh doanh						
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam {i}	3.784.029.600	479.309.200	(3.304.720.400)	3.784.029.600	479.309.200	(3.304.720.400)
Công ty CP NTACO	376.320.000	40.924.800	(335.395.200)	376.320.000	56.448.000	(319.872.000)
Công ty CP Tài nguyên {ii}	-	-	-	1.356.268.000	476.655.000	(879.613.000)
Công ty CP Vận tải biển và BĐS Việt Hải	247.741.000	18.000.000	(229.741.000)	247.741.000	36.000.000	(211.741.000)
Công ty CP Sara Việt Nam	75.000.000	14.250.000	(60.750.000)	75.000.000	17.250.000	(57.750.000)
Công ty CP Lilama 45.4	24.000.000	11.100.000	(12.900.000)	-	-	-
Cộng	4.507.090.600	563.584.000	(3.943.506.600)	5.839.358.600	1.065.662.200	(4.773.696.400)

{i} Đây là khoản đầu tư vào Cổ phiếu PVF của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Tại ngày 24 tháng 09 năm 2013, cổ phiếu của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam hủy niêm yết để sáp nhập với Ngân hàng TMCP Phương Tây thành Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCOMBANK). Việc chuyển đổi khoản đầu tư vào Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam thành khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCOMBANK) theo Công văn số 5738/TB-TCDK ngày 18 tháng 09 năm 2013 của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Thông báo của PVCOMBANK. Theo đó cổ đông sở hữu cổ phiếu PVF sẽ sở hữu cổ phiếu PVCOMBANK theo tỷ lệ 1:1 (01 cổ phần PVF được đổi 01 cổ phần PVCOMBANK).

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2015, Công ty chưa thu thập được giá thị trường đang giao dịch của cổ phiếu PVCOMBANK, do đó, giá trị dự phòng của khoản đầu tư này được trích lập dựa trên giá trị sổ sách của khoản đầu tư tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất so với thời điểm ngừng giao dịch của cổ phiếu PVF (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013) của Công ty.

{ii} Trong năm 2015, Công ty đã bán toàn bộ 110.850 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tài nguyên và thu được tổng lãi từ các giao dịch bán là 121.898.000 đồng, đồng thời, khoản dự phòng đã trích lập năm 2014 được hoàn nhập trong năm với giá trị 879.613.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Cá nhân Nguyễn Thị Xuân Nhân {i}	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần ASV Việt Nam {ii}	1.000.000.000	1.000.000.000
Cá nhân Trần Khắc Hùng {iii}	930.000.000	930.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.401.260.000	1.247.180.000
Cộng	7.331.260.000	7.177.180.000
b. Trả trước cho người bán là bên liên quan		
Cá nhân Trần Khắc Hùng {iii}	930.000.000	930.000.000
Cộng	930.000.000	930.000.000

- {i} Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐCN số công chứng: 014826/2011 ngày 20 tháng 7 năm 2011 giữa Bà Nguyễn Thị Xuân Nhân và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN, Công ty đã mua 128m² đất tại địa chỉ thôn Ngọc Chi, huyện Đông Anh của Bà Nguyễn Thị Xuân Nhân nhằm mục đích kinh doanh. Bà Nguyễn Thị Xuân Nhân đã bàn giao các giấy tờ có liên quan đến mảnh đất này cho Công ty, tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty chưa thực hiện xong các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vướng mắc trong việc thay đổi chủ sở hữu do bà Nhân đang phải chịu án tù. Do đó, khoản trả trước tiền mua đất này tiếp tục được trình bày trên khoản mục trả trước cho người bán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho toàn bộ khoản ứng trước này.
- {ii} Khoản ứng trước theo Hợp đồng số 200214/HDTV/VNN-ASV ngày 20 tháng 2 năm 2014 giữa Công ty và Công ty Cổ phần ASV Việt Nam về việc tư vấn để phát triển Trường Đại học Dân lập Đông Đô (gọi tắt là "Trường"). Công ty Cổ phần ASV Việt Nam đã thực hiện xong công việc, tuy nhiên Trường chưa nghiệm thu và xác nhận kết quả công việc. Do đó, Công ty Cổ phần ASV Việt Nam chưa có cơ sở yêu cầu Công ty thanh lý hợp đồng và thanh toán phần còn lại của hợp đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN dự kiến xác định khoản chi phí này là giá trị phần vốn góp thêm vào Trường. Công ty đã có Công ty văn đề nghị Trường bổ sung khoản chi phí này vào giá trị góp vốn đầu tư của Công ty, tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Trường vẫn chưa chấp nhận khoản chi phí trên.
- {iii} Khoản ứng trước theo Hợp đồng số 20052013/ĐC ngày 20 tháng 05 năm 2013 giữa Công ty và Ông Trần Khắc Hùng để mua lô đất mặt đường rẽ đi Cửa Lò - Nghệ An diện tích 693m². Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Ông Trần Khắc Hùng chưa thực hiện xong việc bàn giao đất và chuyển đổi sở hữu sang cho Công ty. Do đó, khoản trả trước tiền mua đất này tiếp tục được trình bày trên khoản mục trả trước cho người bán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
- Tạm ứng	1.697.550.961	1.881.180.711
- Phải thu ngắn hạn khác		
Ông Phan Thế Hải (*)	2.736.000.000	2.736.000.000
Ông Trần Tổ (*)	1.200.000.000	1.200.000.000
Phải thu khác	3.348.992.839	3.054.037.184
Cộng	8.982.543.800	8.871.217.895
b. Phải thu khác các bên liên quan		
Tạm ứng của Ông Trần Khắc Hùng	496.252.061	507.417.811
Cộng	496.252.061	507.417.811

(*) Các khoản tạm ứng cho cá nhân là nhân viên Công ty nhưng đã nghỉ việc từ năm 2008. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho các khoản phải thu quá hạn này.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VNN

Số 15, ngõ 175/5/167, đường Định Công, phường Định Công

Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5. Nợ xấu**

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi						
a. Các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi	4.000.000.000	-	(4.000.000.000)	4.000.000.000	2.800.000.000	(1.200.000.000)
Nguyễn Thị Thanh Nhân	4.000.000.000	-	(4.000.000.000)	4.000.000.000	2.800.000.000	(1.200.000.000)
b. Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	8.197.073.900	-	(8.197.073.900)	8.197.073.900	275.000.000	(7.922.073.900)
<i>Các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm</i>	<i>8.197.073.900</i>	-	<i>(8.197.073.900)</i>	<i>7.647.073.900</i>	-	<i>(7.647.073.900)</i>
- Tổng các khoản trả trước cho người bán	1.256.280.000	-	(1.256.280.000)	1.256.280.000	-	(1.256.280.000)
+ Công ty CP Tư vấn Kiến trúc Đô thị Hà Nội	445.000.000	-	(445.000.000)	445.000.000	-	(445.000.000)
+ Công ty TNHH Kiến trúc - Xây dựng Hà Nội	400.000.000	-	(400.000.000)	400.000.000	-	(400.000.000)
+ Công ty CP Tư vấn XD và PT Đô thị VN	125.000.000	-	(125.000.000)	125.000.000	-	(125.000.000)
+ Các khoản trả trước cho người bán khác	286.280.000	-	(286.280.000)	286.280.000	-	(286.280.000)
- Tổng các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.940.793.900	-	(6.940.793.900)	6.390.793.900	-	(6.390.793.900)
+ Phan Thế Hải	1.200.000.000	-	(1.200.000.000)	1.200.000.000	-	(1.200.000.000)
+ Trần Tổ	3.326.192.839	-	(3.326.192.839)	3.326.192.839	-	(3.326.192.839)
+ Phải thu ngắn hạn các đối tượng khác	2.414.601.061	-	(2.414.601.061)	1.864.601.061	-	(1.864.601.061)
<i>Các khoản phải thu quá hạn từ 1 - 2 năm</i>	-	-	-	<i>550.000.000</i>	<i>275.000.000</i>	<i>(275.000.000)</i>
- Lê Huy Phan	-	-	-	550.000.000	275.000.000	(275.000.000)
Cộng	12.197.073.900	-	(12.197.073.900)	12.197.073.900	3.075.000.000	(9.122.073.900)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tài nguyên {i}	12.600.000.000	12.600.000.000
Cộng	12.600.000.000	12.600.000.000

{i} Khoản cho Công ty Cổ phần Tài nguyên vay theo hai hợp đồng vay sau:

Hợp đồng vay tiền số 06/2011/HĐVT ngày 06 tháng 04 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN và Công ty Cổ phần Tài nguyên, theo đó, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Tài nguyên vay số tiền 10.000.000.000 đồng kèm theo điều kiện Công ty được quyền mua khu đất nền tại dự án Kiều Kị - Gia Lâm - Hà Nội với giá trị 15.000.000.000 đồng. Nếu Công ty đồng ý mua khu đất nền của Công ty Cổ phần Tài nguyên thì trong thời hạn một năm kể từ ngày nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, hợp đồng này sẽ được chuyển đổi thành hợp đồng góp vốn đầu tư.

Hợp đồng vay tiền số 07/2011/HĐVT ngày 19 tháng 05 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN và Công ty Cổ phần Tài nguyên, theo đó, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Tài nguyên vay số tiền 2.600.000.000 đồng kèm theo điều kiện Công ty được quyền mua khu đất nền tại dự án Kiều Kị - Gia Lâm - Hà Nội với giá trị 3.000.000.000 đồng. Nếu Công ty đồng ý mua khu đất nền của Công ty Cổ phần Tài nguyên thì trong thời hạn một năm kể từ ngày nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, hợp đồng này sẽ được chuyển đổi thành hợp đồng góp vốn đầu tư.

Lãi suất cho vay trong cả hai hợp đồng là 0,6% /năm, lãi suất quá hạn là 0,9%/năm.

Trong tháng 10 năm 2015, Công ty đã gửi đơn khởi kiện tới Tòa án Nhân dân quận Đống Đa, theo đó Công ty tiến hành khởi kiện Công ty Cổ phần Tài Nguyên liên quan đến tranh chấp 02 Hợp đồng vay tiền này. Công ty đề nghị Tòa án Nhân dân quận Đống Đa buộc Công ty Cổ phần Tài nguyên hoàn trả lại khoản tiền 12.600.000.000 đồng tiền gốc vay và 453.600.000 đồng lãi tiền vay tính đến thời điểm khởi kiện. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tòa án Nhân dân quận Đống Đa đang tiến hành cho hai bên hòa giải trước khi xét xử vụ án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ QL VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	241.542.727	72.727.273	4.160.437.818	38.672.724	4.513.380.542
Thanh lý, nhượng bán	-	-	4.160.437.818	-	4.160.437.818
Tại ngày 31/12/2015	241.542.727	72.727.273	-	38.672.724	352.942.724
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	95.784.886	39.626.472	1.198.073.964	38.672.724	1.372.158.046
Khấu hao trong năm	14.208.394	14.091.118	328.340.858	-	356.640.370
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.526.414.822	-	1.526.414.822
Tại ngày 31/12/2015	109.993.280	53.717.590	-	38.672.724	202.383.594
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	145.757.841	33.100.801	2.962.363.854	-	3.141.222.496
Tại ngày 31/12/2015	131.549.447	19.009.683	-	-	150.559.130

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		
Dự án Đèn Lừ {iv}	500.000.000	500.000.000
Dự án Mê Linh {iv}	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.500.000.000	1.500.000.000
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Dự án Hải Dương	-	1.800.000
Dự án Hà Nam {i}	1.739.389.448	1.739.389.448
Dự án Đồng Ga Long Biên {ii}	252.781.000	3.471.843.387
Dự án Nagoya Giken {iii}	70.000.000	70.000.000
Cộng	2.062.170.448	5.283.032.835
Cộng tài sản dở dang dài hạn	3.562.170.448	6.783.032.835

- {i} Dự án xây dựng Khu đô thị mới "Thành phố truyền thông Vietnamnet", dự án "Khu văn phòng đại diện Vietnamnet tại thị xã Phủ Lý" tại Đường Lê Công Thanh - xã Châu Sơn - Phủ Lý - Hà Nam; xây dựng Khu đô thị mới "Thành phố truyền thông Long Sơn" tại Xã Đọi Sơn - huyện Duy Tiên - tỉnh Hà Nam. Các chi phí phát sinh liên quan đến dự án này chỉ bao gồm phí Tư vấn đầu tư và xây dựng phát sinh từ năm 2007, 2008. Từ năm 2008 đến nay Công ty không có thêm các hoạt động triển khai xin chấp thuận chủ trương và chấp thuận các dự án tại tỉnh Hà Nam, đồng thời Công ty chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt việc triển khai dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. Tài sản dở dang dài hạn (Tiếp theo)

- {ii} Dự án "Chuyển đổi cây trồng, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ sinh thái, nâng cao hiệu quả sử dụng đất tại khu Đồng Ga - Long Biên". Năm 2012 dự án đã được UBND phường Thạch Bàn phê duyệt và đang trong quá trình tiến hành. Tuy nhiên, từ năm 2013 dự án bị dừng đầu tư do giải phóng mặt bằng làm đường dẫn cầu Thanh Trì.
- {iii} Dự án Nhà máy Chế tạo Cơ khí Chính xác tại Khu Công nghiệp Nam Cầm trên khu đất Nhà máy sản xuất rượu Borsmi do Công ty thực hiện cùng với 02 đối tác gồm: Công ty TNHH công nghiệp Nagoya Giken và Công ty Cổ phần Borsmi. Chi phí của dự án là chi phí thuê Công ty TNHH Kiến Gia Hưng thực hiện thủ tục pháp lý để hoàn thiện hồ sơ nhận giấy phép kinh doanh.
- {iv} Dự án Đền Lừ là khoản tiền Công ty đã trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim đặt cọc cho hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 15 tháng 06 năm 2007 về việc hợp tác đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại giao dịch Đền Lừ II. Tuy nhiên hợp đồng này đang bị tạm dừng do sau đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN đã chuyển giao quyền hợp tác đầu tư cho Công ty TNHH Thăng Long. Đến thời điểm này Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN chưa tiến hành ký thanh lý hợp đồng. Dự án Mê Linh là tiền đã trả cho việc giải phóng mặt bằng xây dựng công viên Công nghệ truyền thông Mê Linh Media Hightech tại Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.

9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô từ năm 2014 chuyển sang.

Theo thỏa thuận liên danh ngày 15 tháng 10 năm 2013, các thành viên liên danh gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN, Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Ông Trần Khắc Hùng cùng tham gia đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô. Tổng giá trị vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN góp 37 tỷ đồng (chiếm 74% trong tổng giá trị vốn góp), Công ty Cổ phần SARA Việt Nam góp 3 tỷ đồng (chiếm 6% trong tổng giá trị vốn góp) và Ông Trần Khắc Hùng góp 10 tỷ đồng (chiếm 20% trong tổng giá trị vốn góp). Theo thỏa thuận liên danh này, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN được ủy quyền đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh đàm phán và ký kết hợp đồng đầu tư vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô, nhằm trở thành nhà đầu tư chiến lược và duy nhất của Trường Đại học Dân lập Đông Đô.

Ngày 25 tháng 10 năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN và Trường Đại học Dân lập Đông Đô đã thực hiện ký kết và thực hiện hợp đồng góp vốn đầu tư.

Theo Biên bản thỏa thuận ngày 28 tháng 4 năm 2014, các bên liên danh kể trên đã thống nhất đồng ý để Công ty Cổ phần Sara Việt Nam rút khỏi liên danh đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Đông Đô.

Ngày 28 tháng 04 năm 2014, 5 tổ chức và cá nhân gồm Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại VNN, Ông Trần Khắc Hùng, Bà Nguyễn Thị Trang, Bà Phạm Đỗ Diệu Thư và Bà Trần Thị Yến đã ký Thỏa thuận liên danh để đầu tư vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô với tổng số tiền đầu tư là 50 tỷ và số tiền góp vốn lần lượt là 37 tỷ đồng, 12 tỷ đồng, 400 triệu đồng, 200 triệu đồng và 400 triệu đồng. Các bên thống nhất để Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN được ủy quyền là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh tiếp tục đàm phán hoàn thiện thủ tục góp vốn với Trường Đại học Dân lập Đông Đô và hoàn tất quá trình chuyển đổi sang mô hình tư thực.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, tổng số vốn góp của liên danh vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô là 42 tỷ đồng. Theo Phụ lục hợp đồng góp vốn ngày 15 tháng 12 năm 2014 về việc điều chỉnh vốn góp đầu tư vào dự án Trường Đại học Dân lập Đông Đô, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN đồng ý góp 32 tỷ đồng vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các bên khác tham gia liên doanh đã rút vốn toàn bộ và chỉ còn hai nhà đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN và Ông Trần Khắc Hùng với phần vốn góp tương ứng là 32 tỷ đồng và 10 tỷ đồng. Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Trường Đại học Dân lập Đông Đô và các văn bản có liên quan nhằm xem xét việc phân loại khoản đầu tư này phù hợp với quy định trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

10. Lợi thế thương mại

	Tổng VND
GIÁ TRỊ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	
Tại ngày 01/01/2015	2.565.000.000
Tại ngày 31/12/2015	<u>2.565.000.000</u>
GIÁ TRỊ PHÂN BỔ	
Tại ngày 01/01/2015	1.026.000.000
Phân bổ trong năm (*)	1.539.000.000
Tại ngày 31/12/2015	<u>2.565.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2015	<u>1.539.000.000</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u><u>-</u></u>

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường đang thể hiện số dư các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá các khoản tài sản ngắn hạn là 1.147.542.986 đồng, đồng thời Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế tại thời điểm cuối năm tài chính của Công ty là (3.996.983.856) đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty đang bị thâm hụt là (996.983.856) đồng. Điều này cho thấy những dấu hiệu về việc không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường. Do đó, lợi thế thương mại có dấu hiệu bị tổn thất tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Công ty đã phân bổ hết số lợi thế thương mại chưa phân bổ vào chi phí của năm tài chính 2015 do ảnh hưởng của dấu hiệu tổn thất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. Người mua trả trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH Thăng Long {i}	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000

- {i} Khoản ứng trước được ghi nhận theo hợp đồng nguyên tắc số 40/TTHTDT được ký kết giữa Công ty TNHH Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet ngày 18 tháng 10 năm 2007. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet đồng ý nhượng quyền đầu tư 88% vốn đầu tư vào Dự án Trung tâm thương mại Đền Lừ mà Công ty đã ký kết với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim cho Công ty TNHH Thăng Long. Sau khi chủ đầu tư dự án là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim và Công ty TNHH Thăng Long ký kết hợp đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet phải tiếp tục chịu trách nhiệm hoàn thiện các hồ sơ pháp lý cho dự án này.

Ngày 15 tháng 06 năm 2015, Công ty nhận được Giấy triệu tập của Tòa án Nhân dân quận Hoàng Mai để tham gia tố tụng giải quyết vụ án kinh doanh thương mại với tư cách là bị đơn theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH Thăng Long. Công ty TNHH Thăng Long đã khởi kiện Công ty và đề nghị Tòa án Nhân dân quận Hoàng Mai tuyên bố Thỏa thuận nguyên tắc số 40/TTHTDT ký ngày 18 tháng 10 năm 2007 giữa Công ty TNHH Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của Pháp luật và buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN phải thanh toán trả lại cho Công ty TNHH Thăng Long 5 tỷ đồng (số dư người mua trả trước ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất) và khoản tiền bồi thường thiệt hại là 3 tỷ đồng. Ngày 14 tháng 09 năm 2015, bản án sơ thẩm đã được Tòa án Nhân dân quận Hoàng Mai thông qua, theo đó, Tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thăng Long đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN về thỏa thuận nguyên tắc số 40/TTHTDT ký ngày 18 tháng 10 năm 2007. Công ty TNHH Thăng Long phải chịu toàn bộ án phí cho vụ kiện này. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kết quả xét xử phúc thẩm hoặc cấp cao hơn cho vụ kiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	31/12/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/bù trừ trong năm	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.411.765	-	-	39.411.765
Cộng	39.411.765	-	-	39.411.765
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế thu nhập cá nhân	94.245.266	25.287.375	-	68.957.891
Cộng	94.245.266	25.287.375	-	68.957.891

12. Vốn chủ sở hữu

a. Cổ phiếu

	31/12/2015 Số lượng	01/01/2015 Số lượng
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.726.698	5.726.698
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	5.726.698	5.726.698
<i>Cổ phần phổ thông</i>	5.726.698	5.726.698
- Số lượng cổ phần mua lại	-	-
<i>Cổ phần phổ thông</i>	-	-
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.726.698	5.726.698
<i>Cổ phần phổ thông</i>	5.726.698	5.726.698

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

13. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	57.266.980.000	8.951.500.000	376.008.914	488.656.419	(2.560.136.794)	170.230.521	64.693.239.060
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(3.586.982.877)	17.402.067	(3.569.580.810)
Phân loại lại theo TT 200	-	-	488.656.419	(488.656.419)	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2014	57.266.980.000	8.951.500.000	864.665.333	-	(6.147.119.671)	187.632.588	61.123.658.250
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(9.531.302.843)	(287.330.973)	(9.818.633.816)
Số dư tại ngày 31/12/2015	57.266.980.000	8.951.500.000	864.665.333	-	(15.678.422.514)	(99.698.385)	51.305.024.434

14. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty và công ty con đều có trụ sở tại thành phố Hà Nội. Vì vậy, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm 2015, Công ty chỉ có duy nhất hoạt động bán hàng hóa, do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	690.910.000	5.930.128.457
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	255.818.177
Cộng	690.910.000	6.185.946.634

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	674.546.000	5.794.091.943
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	30.000.000
Cộng	674.546.000	5.824.091.943

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.403.522	88.451.301
Lãi từ bán các khoản đầu tư	121.898.000	-
Cộng	124.301.522	88.451.301

4. Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí bán các khoản đầu tư	5.798.119	-
Trích dự phòng các khoản đầu tư	49.423.200	-
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(879.613.000)	(142.766.200)
Cộng	(824.391.681)	(142.766.200)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	850.705.977	1.134.114.102
Chi phí đồ dùng văn phòng	196.647.958	458.973.070
Chi phí khấu hao TSCĐ	356.640.370	441.566.540
Phân bổ lợi thế thương mại	1.539.000.000	256.500.000
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	3.075.000.000	929.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	169.089.980	407.302.985
Chi phí bằng tiền khác	165.381.837	534.696.305
Cộng	6.352.466.122	4.162.653.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lỗ thanh lý TSCĐ	1.588.568.451	-
Chi phí khác (*)	2.842.656.446	-
Cộng	4.431.224.897	-

(*) Khoản chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng ban đầu, lắp đặt thiết bị của Công ty con đã chi cho dự án Đồng Ga Long Biên nhưng đất bị thu hồi để làm nút giao cầu Thanh Trì nên phần giải phóng mặt bằng không thu hồi được do hợp đồng thuê đất ban đầu ký thời hạn 1 năm đã hết hiệu lực.

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(9.818.633.816)	(3.569.580.810)
(Lợi nhuận/(lỗ) trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ)	(9.531.302.843)	(3.586.982.877)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.726.698	5.726.698
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(1.664)	(626)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	801.785.977	1.124.114.102
Chi phí khấu hao tài sản cố định	356.640.370	455.716.296
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	3.075.000.000	929.500.000
Lợi thế thương mại phân bổ	1.539.000.000	256.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	413.257.938	869.276.055
Chi phí khác bằng tiền	166.781.837	527.546.549
Cộng	6.352.466.122	4.162.653.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Công ty không có các khoản vay do đó tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu của Công ty bằng 0.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.989.132.952	1.999.150.607
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.384.096.961	12.979.428.155
Đầu tư ngắn hạn	563.584.000	1.420.662.200
Đầu tư dài hạn	32.000.000.000	32.000.000.000
Cộng	45.936.813.913	48.399.240.962
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.053.702.111	1.464.602.301
Cộng	1.053.702.111	1.464.602.301

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015			
Tiền	3.989.132.952	-	3.989.132.952
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(3.215.903.039)	12.600.000.000	9.384.096.961
Đầu tư ngắn hạn	563.584.000	-	563.584.000
Đầu tư dài hạn	-	32.000.000.000	32.000.000.000
Cộng	1.336.813.913	44.600.000.000	45.936.813.913
Tại 31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.053.702.111	-	1.053.702.111
Cộng	1.053.702.111	-	1.053.702.111
Chênh lệch thanh khoản thuần	283.111.802	44.600.000.000	44.883.111.802
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015			
Tiền	1.999.150.607	-	1.999.150.607
Phải thu khách hàng và phải thu khác	379.428.155	12.600.000.000	12.979.428.155
Đầu tư ngắn hạn	1.420.662.200	-	1.420.662.200
Đầu tư dài hạn	-	32.000.000.000	32.000.000.000
Cộng	3.799.240.962	44.600.000.000	48.399.240.962
Tại 01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.464.602.301	-	1.464.602.301
Cộng	1.464.602.301	-	1.464.602.301
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.334.638.661	44.600.000.000	46.934.638.661

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Trần Khắc Hùng

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	144.000.000	228.000.000
Cộng	144.000.000	228.000.000

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Trong tháng 10 năm 2015, Công ty đã gửi đơn khởi kiện tới Tòa án Nhân dân quận Đống Đa, theo đó Công ty tiến hành khởi kiện Công ty Cổ phần Tài Nguyên liên quan đến tranh chấp Hợp đồng vay tiền số 06/2011/HĐVT ngày 06 tháng 04 năm 2011 và Hợp đồng vay tiền số 07/2011/HĐVT ngày 19 tháng 05 năm 2011. Công ty đã đề nghị Tòa án Nhân dân quận Đống Đa buộc Công ty Cổ phần Tài nguyên hoàn trả lại khoản tiền 12.600.000.000 đồng tiền gốc vay và 453.600.000 đồng lãi tiền vay. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tòa án Nhân dân quận Đống Đa chưa tiến hành xét xử vụ án.

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được phân loại lại cho phù hợp với số liệu so sánh của kỳ này. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

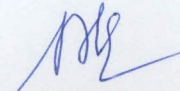
VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh (Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	11.779.390.848	-	11.779.390.848
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	1.420.662.200	-	1.420.662.200
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6.194.358.600	(6.194.358.600)	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	5.839.358.600	5.839.358.600
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	355.000.000	355.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.675.427.444	1.881.180.711	7.556.608.155
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.990.037.184	1.881.180.711	8.871.217.895
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	2.684.150.597	(1.881.180.711)	802.969.886
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	1.881.180.711	(1.881.180.711)	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	56.153.463.995	-	56.153.463.995
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	12.600.000.000	12.600.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	12.600.000.000	12.600.000.000
II. Tài sản cố định	220	8.424.255.331	(5.283.032.835)	3.141.222.496
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.283.032.835	(5.283.032.835)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	6.783.032.835	6.783.032.835
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	1.500.000.000	1.500.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	5.283.032.835	5.283.032.835
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	46.100.000.000	(14.100.000.000)	32.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	46.100.000.000	(14.100.000.000)	32.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260	90.208.664	1.539.000.000	1.629.208.664
2. Lợi thế thương mại	269	-	1.539.000.000	1.539.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269	1.539.000.000	(1.539.000.000)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	67.932.854.843	-	67.932.854.843

NGUỒN VỐN	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
B. NGUỒN VỐN	400	60.936.025.662	187.632.588	61.123.658.250
I. Vốn chủ sở hữu	410	60.936.025.662	187.632.588	61.123.658.250
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	488.656.419	(488.656.419)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	376.008.914	488.656.419	864.665.333
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	-	187.632.588	187.632.588
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	187.632.588	(187.632.588)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		67.932.854.843	-	67.932.854.843


Đinh Thị Thùy Minh
Người lập
Ngày 07 tháng 04 năm 2016


Đinh Thị Thùy Minh
Kế toán trưởng


Trần Khắc Hùng
Giám đốc